TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 869/2023/HS-PT
Ngày 20 tháng 11 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMTÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tiến;

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Văn Hạnh;

Ông Phạm Văn Nam.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hoàng- Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 20 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 476/2023/TPT-HS ngày 04 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo Bùi Thị T phạm tội "Mua bán trái phép hoá đơn". Do có kháng cáo của bị cáo, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2023/HS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Bùi Thị T; Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 04 tháng 09 năm 1990, tại: xã L, huyện T, tỉnh Hòa Bình; Nơi cư trú: Số C L, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Kế toán; Trình độ học vấn: 12/12; Con bà: Bùi Thị L, sinh năm 1963; Chồng: Mai Đức T1, sinh năm 1977; Có hai con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án: Ngày 10/7/2020, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên, xử phạt 250.000.000đồng về tội "Mua bán trái phép hóa đơn". Đã nộp tiền ngày 08/10/2020; Tiền sự: Không có. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Nguyễn Thị Thanh H1, Nguyễn Đình T2 không kháng cáo, không bị kháng nghị, Toà không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH Đ2 được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh H cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên M1, đăng ký lần đầu ngày 05/7/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 10/12/2020. Địa chỉ trụ sở chính tại số nhà I, đường T, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Ngành nghề chủ yếu là kinh doanh vật liệu xây dựng và cung cấp nhân công lao động. Người đại diện theo pháp luật là anh Vũ Văn T3, trú tại thôn C, xã L, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Công ty TNHH Đ2 thực hiện nghĩa vụ thuế tại Chi cục thuế khu vực thành phố H - K.

Công ty TNHH T9 được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh H cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên M2, đăng ký lần đầu ngày 16/10/2018; Địa chỉ tại thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu là vật liệu xây dựng và cung cấp nhân công lao động. Người đại diện theo pháp luật là chị Bùi Thị G, trú tại thôn C, xã L, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Công ty TNHH T9 thực hiện nghĩa vụ thuế tại Chi cục thuế khu vực T10 - P.

Quá trình điều tra xác định: Bùi Thị T là người trực tiếp thành lập, quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động của Công ty TNHH Đ2 và Công ty TNHH T9. Bị cáo T trực tiếp quản lý con dấu 02 công ty. Chị Bùi Thị G và anh Vũ Văn T3 được bị cáo T nhờ đứng tên trên danh nghĩa không trực tiếp điều hành hoạt động của công ty, không biết hoạt động của công ty cụ thể như thế nào. Các địa chỉ kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của 02 công ty chỉ mang tình hình thức để hợp lý hóa thủ tục đăng ký kinh doanh. Bùi Thị T là người trực tiếp thực hiện việc kê khai, báo cáo thuế của Công ty TNHH Đ2 và Công ty TNHH T9.

I. Hành vi mua hóa đơn trái phép để kê khai thuế đầu vào cho Công ty TNHH Đ2 và Công ty TNHH T9:

Trong quá trình quản lý điều hành hoạt động của Công ty TNHH Đ2 và Công ty TNHH T9, Bùi Thị T đã mua một số nguyên vật liệu xây dựng *(Cát, đá...)* trôi nổi, không có hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc sau đó bán lại cho một số doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh kiếm lời. Sau khi nhận đủ tiền hàng Bùi Thị T sử dụng hóa đơn GTGT của Công ty TNHH Đ2 và Công ty TNHH T9 để xuất trả cho các đơn vị, doanh nghiệp đã mua hàng hóa của T.

Nhằm cân đối hàng hóa xuất, nhập, tồn, mua vào - bán ra của Công ty TNHH Đ2 và Công ty TNHH T9, từ tháng 11/2020 đến tháng 5/2021, thông qua một người đàn ông tên "Mười" *(Không xác định được nhân thân, lai lịch),* Bùi Thị T đã mua 13 *(Mười ba)* hóa đơn GTGT khống của 04 doanh nghiệp tại địa bàn thành phố Hà Nội và tỉnh Quảng Ninh với giá tiền mua hóa đơn từ 8,5% đến

9% giá trị tiền hàng chưa thuế GTGT ghi trên hóa đơn, với tổng số tiền hàng ghi trên hóa đơn là: 76.922.362.000 đồng; tiền thuế GTGT là: 7.692.236.200 đồng; tổng tiền thanh toán là: 84.614.598.200 đồng; ***T4 mua hóa đơn là: 6.604.277.580 đồng***. Trong đó mua 12 *(Mười hai)* hóa đơn GTGT khống để kê khai, báo cáo thuế đầu vào cho Công ty TNHH T9 với tổng doanh số tiền hàng là: 63.747.000.000 đồng, thuế GTGT là: 6.374.700.000 đồng, tổng thanh toán là: 70.121.700.000 đồng. Cụ thể Công ty TNHH T11, địa chỉ 58 ngõ C L, tổ B phường N, quận C, Hà Nội 01 (một) hóa đơn; Công ty TNHH T12 và T12, địa chỉ 378 khu K, Q, Q (ba) hóa đơn; Công ty cổ phần X, địa chỉ L, ngõ F, phố M, phương M, quận C, Hà Nội 04 (bốn) hóa đơn; Công ty TNHH T12, địa chỉ 01 đường Đ, tổ dân phố T, phường Đ, N, H (năm) Hóa đơn. Mua 01 *(Một)* hóa đơn GTGT khống để kê khai, báo cáo thuế đầu vào cho Công ty TNHH Đ2 với với tổng doanh số tiền hàng là 13.175.362.000 đồng, thuế GTGT là: 1.317.536.200 đồng, tổng thanh toán là: 14.492.898.200 đồng. Cụ thể từng công ty như sau:

1. Công ty T11 (01 hóa đơn):

Công ty TNHH T12 và D3,có địa chỉ tại Số E, ngõ C L, tổ B, phường N, quận C, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật là anh Vũ Thanh D, trú tại Tổ D, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Anh D khẳng định không thành lập, điều hành công ty, không có quan hệ kinh tế gì với Công ty T11, không quen biết gì với T và Công ty TNHH T9.

STT	Số HĐ	Ngày/tháng	Tổng tiền	Tiền mua HĐ	Kết luận giám định
1	0000012	15/4/2020	7.117.751.080	550.008.038	Chữ ký Vũ Thanh Duy: không phải là của Duy. Hình dấu không phải của Đại Thương. Tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

2. Công ty TNHH T12 (03 hóa đơn):

Công ty TNHH T12, địa chỉ tại số nhà C, khu K, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Người đại diện theo pháp luật là anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1988, trú tại Số F CU17, phường L, quận L, thành phố Hải Phòng.Nguyễn Mạnh C khai: C không thành lập, không điều hành hay có bất kỳ quan hệ kinh tế gì với Công ty TNHH T12; không quen biết, không có quan hệ kinh tế gì với Bùi Thị T và Công ty TNHH T9. Chữ ký trên 03 Hóa đơn GTGT không phải chữ ký của anh C.

STT	Số HĐ	Ngày/tháng	Tổng tiền	Tiền mua	Kết luận giám định

				HĐ	
1	0000319	1/10/2029	9.922.550.000	766.742.500	Chữ ký Nguyễn Mạnh Cường trên các hóa đơn không phải là của Nguyễn Mạnh Cường. Hình dấu trên các hóa đơn không phải do cùng một con dấu đóng ra
2	0000338	1/4/2000	2.996.858.920	243.575.462	
3	0000342	10/4/2020	4.570.940.000	353.209.000	

3. Công ty cổ phần X (04 hóa đơn):

Công ty cổ phần X, địa chỉ trụ sở tại: Nhà L, ngõ F, phố M, phường M, quận C, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật là chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1981, trú tại Nhà G, ngõ A, phố M, phường M, quận C, thành phố Hà Nội. Nguyễn Thị H2 khai: Công ty cổ phần X không có quan hệ kinh tế; không quen biết Bùi Thị T và cá nhân nào; không xuất hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH T9; 04 hóa đơn GTGT nêu trên không phải của Công ty cổ phần X phát hành.

STT	Số HĐ	Ngày/tháng	Tổng tiền	Tiền mua HĐ	Kết luận giám định
1	0000416	1/9/2020	4.570.940.000	353.209.000	Chữ ký Nguyễn Thị Hương không phải là của Hương. Hình dấu của Công ty Gia Bảo trên các HĐ không phải là của CT Gia Bảo.
2	0000420	1/8/2020	7.786.757.000	601.730.950	
3	0000422	15/10/2020	5.244.140.000	405.228.000	
4	0000424	26/11/2029	4.689.448.280	362.366.458	

4. Công ty TNHH T12 (05 hóa đơn):

Công ty TNHH T12, địa chỉ số A đường Đ, tổ dân phố T, phường Đ, quận N, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật là chị Ngô Thị Thùy D1, trú tại Tổ A, T, phường C, thành phố C, Quảng Ninh.ChịNgô Thị Thùy Dung khai: D1 không thành lập, không điều hành hay có bất kỳ quan hệ kinh tế gì với Công ty TNHH T12; không quen biết Bùi Thị T. Chữ ký trên 05 Hóa đơn GTGT nêu trên không phải của D1.

STT	Số HĐ	Ngày/tháng	Tổng tiền	Tiền mua HĐ	Kết luận giám định
1	0000416	16/7/2020	7.117.751.080	550.008.038	Chữ ký Ngô Thị Dung trên các hóa đơn không phải là của Ngô Thị Dung. Hình dấu Công ty
2	0000420	1/10/2020	9.722.259.800	751.265.530	
3	0000422	10/9/2020	3.191.151.920	246.589.012	
4	0000424	25/11/2020	3.191.151.920	246.589.012	
5	0000418	1/5/2021	14.492.898.200	1.185.782.580	

					Phan Vinh không phải là của công ty Phan Vinh.

Ngày 15/4/2022, Bùi Thị T cung cấp cho Cơ quan điều tra hồ sơ kê khai điều chỉnh bổ sung thuế tại Công ty TNHH T9 và Công ty TNHH Đ2. Theo đó, Công ty TNHH T9 điều chỉnh giảm đối với 12 hóa đơn GTGT khống trên và Công ty TNHH Đ2 kê khai điều chỉnh giảm đối với 01 hóa đơn GTGT khống nêu trên với lý do các hóa đơn GTGT trên là hóa đơn bất hợp pháp vì không có hàng hóa thực tế và chứng từ ngân hàng kèm theo.

II. Hành vi mua, bán hóa đơn giá trị gia tăng khống cho các doanh nghiệp:

1. Hành vi mua, bán 21 hóa đơn GTGTkhống cho Công ty cổ phần Đ3.

Công ty cổ phần Đ3, được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5702014115 ngày 25/9/2019, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 30/11/2021. Địa chỉ trụ sở tại: Ô số A, lô D, khu đô thị C, H, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Người đại diện theo pháp luật là anh Trần Duy D2, trú tại tổ E, khu D, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Trên thực tế, mọi hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Đ3 đều do bị cáo Nguyễn Thị Thanh H1, trú tại Tổ H, khu F, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh quản lý, điều hành *(Do Huyền đóng góp cổ đông lớn trong công ty).*

Trong quá trình điều hành hoạt động công ty, Bị cáo H1 đã thống nhất với bị cáo Nguyễn Đình T2, trú tại khu D, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh là kế toán của Công ty cổ phần Đ3 từ khi thành lập đến tháng 7/2021. Từ tháng 7/2021 đến nay, kế toán của công ty là chị Đặng Thanh M, trú tại tổ F, khu A, phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Do hoạt động kinh doanh của công ty Đ3 thiếu đầu vào *(Do mua cát từ một số tàu trôi nổi)* nên cần mua một số hóa đơn GTGT khống để sử dụng khai báo thuế đầu vào của Công ty. Bị cáo Nguyễn Thị Thanh H1, bị cáo Nguyễn Đình T2 và chị Đặng Thanh M đã thống nhất mua hóa đơn GTGT khống (*không có hàng hóa kèm theo)*của Công ty TNHH T9 thể hiện xuất bán hàng hóa cho Công ty cổ phần Đ3. Hai bên thống nhất giá mua hóa đơn GTGT khống với giá dao động từ 10,5% đến 13% giá trị tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn, việc thanh toán tiền mua hóa đơn GTGT khống do Nguyễn Thị Thanh H1 và Bùi Thị T thực hiện. Trong đó H1 là người thực hiện việc thanh toán qua hệ thống ngân hàng để hợp thức chứng từ và thanh toán, nhận lại tiền liên quan đến số tiền mua bán hóa đơn. Cụ thể để hợp thức hóa đơn khống, giữa các công ty sẽ ký kết hợp đồng kinh tế khống và hợp thức thanh toán dưới hình thức chuyển khoản qua hệ thống ngân hàng giữa hai công ty để lấy chứng từ. Việc chuyển tiền bị cáo H1 sử dụng tài khoản ngân hàng của

Công ty cổ phần Đ3 để chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của Công ty TNHH T9 và Công ty TNHH Đ2. Sau đó, Công ty TNHH T9, Công ty TNHH Đ2 giữ lại số tiền bán hóa đơn và trả lại tiền thừa cho Công ty cổ phần Đ3 bằng hình thức chuyển tiền từ số tài khoản ngân hàng số 46510000252678 tại ngân hàng B của bị cáo Bùi Thị T vào số tài khoản ngân hàng của H1 số 44010001066668 tại ngân hàng B. Sau khi hoàn thiện xong các thủ tục, Bùi Thị T sẽ chuyển hợp đồng kinh tế và hóa đơn GTGT có đầy đủ nội dung đến địa chỉ của Công ty cổ phần Đ3 qua hệ thống chuyển phát nhanh.

Từ tháng 02/2020 đến tháng 4/2021, bị cáo Nguyễn Đình T2 đã liên hệ bị cáo Bùi Thị T mua 13 *(Mười ba)* hóa đơn GTGT khống của Công ty TNHH T9,với tổng giá trị tiền hàng chưa thuế là: 4.071.985.080 đồng, thuế GTGT: 407.198.508 đồng, tổng thanh toán: 4.479.183.588 đồng. Cụ thể:

STT	Số HĐ	Ngày/tháng	Tổng tiền	Tiền mua HĐ	Kết luận giám định
1	0000076	27/02/2020	357.500.000	32.500.00	Chữ ký là của Bùi Thị Trang, Nguyễn Thị Thanh Huyền và hình con dấu của Công ty TNHHTM Giang Sơn Việt Nam và Công ty cổ phần đầu tư Cảng Thiên Phú.
2	0000106	25/4/2020	595.320.000	54.120.000	
3	0000116,	28/5/2020	444.804.448.	40.436.768	
4	0000124	29/6/2020	675.269.540	61.388.140	
5	0000137	30/7/2020	31.839.940	2.894.540	
6	0000180	25/11/2020	291.772.800	26.524.800	
7	0000205	26/01/2021	517.638.660	47.058.060	
8	0000226	16/3/2021	27.238.640	2.476.240	
9	0000229	25/3/2021	463.760.000	42.160.000	
10	0000232	28/3/2021	123.200.000	11.200.000	
11	0000243	30/04/2021	578.187.500	52.562.500	
12	0000168	26/10/2020	60.263.060	5.578.460	
13	0000212	07/02/2021	312.389.000	28.399.000	
Tổng cộng			**4.479.183.588**	**522.258.310**	

Từ tháng 7/2021 đến tháng 10/2021 chị Đặng Thanh M đã mua 08 *(Tám)* hóa đơn GTGT khống của Công ty TNHH Đ2 thể hiện xuất bán hàng hóa cho Công ty cổ phần Đ3 với giá trị tiền hàng chưa thuế là: 1.093.420.000 đồng, thuế GTGT: 109.342.000 đồng, tổng thanh toán: 1.202.762.000 đồng. Cụ thể:

STT	Số HĐ	Ngày/tháng	Tổng tiền	Tiền mua HĐ	Kết luận giám định
1	00000111	10/10/2021	52.800.000	4.800.000	Chữ ký là của Bùi Thị Trang, Nguyễn Thị Thanh Huyền và hình con dấu là của Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển Lộc Phát và Công ty cổ phần đầu tư Cảng Thiên Phú.
2	0000035	03/7/2021	137.500.000	12.500.000	
3	0000043	13/7/2021	252.450.000	22.950.000	
4	0000044	14/7/2021	137.500.000	12.500.000	
5	0000064	05/8/2021	74.250.000	6.750.000	
6	0000107	05/10/2021	210.672.000	19.152.000	
7	0000080	05/9/2021	74.250.000	6.750.000	
8	0000069	09/8/2021	263.340.000	23.940.000	
	Tổng cộng		**1.202.762.000**	**109.342.000**	

Như vậy bị cáo H1 và bị can T phải chịu trách nhiệm hình sự của hành vi mua, bán 21 hóa đơn. Bị cáo T2 đồng phạm với bị cáo T và chịu trách nhiệm hình sự của 13 hóa đơn. Ngày 04/5/2022, Công ty cổ phần Đ3 đã kê khai điều chỉnh giảm đối với 21 hóa đơn GTGT khống nêu trên. Ngày 09/5/2022, Công ty cổ phần Đ3 đã nộp toàn bộ số tiền liên quan đến việc điều chỉnh giảm 21 hóa đơn GTGT khống nêu trên vào ngân sách nhà nước

2. Hành vi mua, bán 03 (Ba) Hóa đơn GTGT khống với Công ty Cổ phần Đ3:

Công ty cổ phần Đ3 được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5701786567 ngày 11/12/2015. Địa chỉ trụ sở tại: Ô số A, lô D, khu đô thị C, H, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Người đại diện theo pháp luật là chị Nguyễn Thị T5, trú tại phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Tuy nhiên mọi hoạt động thực tế của Công ty vẫn do bị cáo Nguyễn Thị Thanh H1 thực hiện. Do vậy mọi quan hệ kinh tế phát sinh mua bán trao đổi hàng hóa giữa Công ty cổ phần Đ3 với các đối tác khác, bị cáo Nguyễn Thị Thanh H1 luôn là người trực tiếp cập nhật, theo dõi, quản lý. Bị cáo Nguyễn Đình T2, trú tại khu D, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh là kế toán của Công ty cổ phần Đ3 từ tháng 9/2019 đến tháng 7/2021, nhiệm vụ của bị cáo T2 là kế toán nội bộ của công ty, thực hiện theo dõi việc mua bán hàng hóa và các chứng từ kèm theo.

Từ tháng 03/2020 đến tháng 7/2020, bị cáo T2 và bị cáo H1 đã liên hệ với bị cáo Bùi Thị T mua tổng số 03 (Ba) hóa đơn GTGT khống của Công ty TNHH T9 thể hiện xuất bán hàng hóa cho Công ty cổ phần Đ3 với tổng giá trị tiền hàng chưa thuế: 2.571.310.000 đồng; thuế GTGT: 257.131.000 đồng; tổng thanh toán: 2.828.441.000 đồng, cụ thể:

STT	Số HĐ	Ngày/tháng	Tổng tiền	Tiền mua HĐ	Kết luận giám định
1	0000138	30/7/2020	796.950.000	72.450.000	Chữ ký là của Bùi Thị Trang, Nguyễn Thị Thanh Huyền và hình con dấu là của CT CP Cảng Thiên Phú và công ty Giang sơn Việt Nam
2	0000099	30/3/2020	835.719.500	75.974.500	
3	0000107	25/4/2020	1.195.771.500	108.706.500	
Tổng cộng			**2.828.441.000**	**257.131.000**	

Ngày 10/5/2022, Công ty cổ phần Đ3 đã kê khai điều chỉnh giảm đối với 03 hóa đơn GTGT khống nêu trên. Ngày 10/5/2022, Công ty cổ phần Đ3 đã nộp toàn bộ số tiền liên quan đến việc điều chỉnh giảm 03 hóa đơn GTGT khống nêu trên vào ngân sách nhà nước.

3. Hành vi mua, bán 03 (Ba) Hóa đơn GTGT khống với Công ty TNHH T13:

Công ty TNHH T13, được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh H cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900520555, đăng ký lần đầu ngày 08/12/2009;

thay đổi lần 10 ngày 21/6/2021. Địa chỉ trụ sở tại: Số F, đường N, phường A, thành phố H, tỉnh Hưng Yên do anh Vũ Đức Đ, trú tại Phòng 506CT4, khu đô thị Đ, G, Hà Nội làm Giám đốc công ty- người đại diện theo pháp luật.

Quá trình điều tra đã làm rõ: bà Nguyễn Thị N - Phó Giám đốc Công ty TNHH T13 đã chủ động trao đổi, đặt vấn đề mua 03 hóa đơn GTGT khống và được bị cáo Bùi Thị T đồng ý. Theo đó từ tháng 12/2020 đến tháng 6/2021, Bùi Thị T đã bán 03 (Ba) hóa đơn GTGT khống thể hiện Công ty TNHH T9 bán hàng hóa cho Công ty TNHH T13 với tổng giátrị tiền hàng chưa thuế là 316.100.000 đồng; tiền thuế GTGT là: 31.610.000 đồng; Tổng tiền thanh toán: 347.710.000 đồng. Số tiền mua, bán 03 hóa đơn GTGT khống nêu trên là 31.610.000 đồng, cụ thể:

Stt	Số HĐ	Ngày/tháng	Tổng tiền	Tiền mua HĐ	Kết luận giám định
1	0000023	30/6/2021	36.300.000	3.300.000	Chữ ký là của Bùi Thị Trang, Nguyễn Thị Nga và hình dấu của CT Xây dựng Hưng Yên và CT Giang Sơn VN
2	0000021	30/6/2021	69.410.000	6.310.000	
3	0000200	31/12/2020	242.000.000	22.000.000	
Tổng cộng			**347.710.000**	**31.610.000**	

Trong quá trình điều tra Công ty TNHH T13 đã kê khai điều chỉnh giảm đối với 03 hóa đơn GTGT khống trên.

4. Hành vi mua, bán 03 (Ba) Hóa đơn GTGT khống cho Công ty TNHH T14:

Công ty TNHH T14, được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh H cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900998077 ngày 14/9/2016. Địa chỉ trụ sở tại: Số A, đường T, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên do ông Đỗ Thành Đ1 là người đại diện pháp luật; Ngành nghề hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh mua bán vật liệu xây dựng.

Quá trình điều tra làm rõ: Ông Nguyễn Đức C1, trú tại thôn Phương Thông, xã Phương Chiểu, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên mặc dù không đứng tên và không giữ chức danh gì của Công ty TNHH T14. Tuy nhiên, ông C1 là người trực tiếp quản lý điều hành, chịu mọi trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Công ty TNHH T14. Ngoài ra, ông C1 là người đảm nhiệm việc kê khai, báo cáo thuế của Công ty TNHH T14. Từ tháng 7/2021 đến tháng 8/2021, bị cáo Bùi Thị T đã bán 03 *(Ba)* hóa đơn GTGT khống thể hiện Công ty TNHH Đ2 bán hàng hóa cho Công ty TNHH T14 với tổng giá trị tiền hàng chưa thuế là 1.193.660.000 đồng; tiền thuế GTGT là: 119.366.000 đồng; Tổng tiền thanh toán: 1.313.026.000 đồng. Số tiền mua, bán 03 hóa đơn GTGT khống nêu trên là 119.366.000 đồng, cụ thể:

Stt	Số HĐ	Ngày/tháng	Tổng tiền	Tiền mua HĐ	Kết luận giám định
1	0000039	06/7/2021	478.500.000	43.500.000	Chữ ký là của Bùi Thị Trang. Hình con dấu là
2	0000042	11/7/2021	375.100.000	341.000.000	

3	0000062	01/8/2021	459.426.000	41.766.000	của CT Thành đạt Phố Hiến và CT Lộc Phát
Tổng cộng			**1.313.026.000**	**119.366.000**	

Đến nay ông C1 đã kê khai điều chỉnh giảm đối với các hóa đơn GTGT nêu trên.

5. Hành vi mua, bán 02 (Hai) Hóa đơn GTGT khống với Công ty TNHH Đ2:

Công ty TNHH Đ2, được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh H cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900924903, ngày 27/8/2015. Địa chỉ trụ sở tại: Thôn Y, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Người đại diện theo pháp luật của công ty chị Lê Thị T6, trú tại thôn Y, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên- Giám đốc Công ty.

Quá trình điều tra đã làm rõ: chị Nguyễn Thị C2, trú tại thôn T, xã A, huyện K, tỉnh Hưng Yên - Kế toán Công ty TNHH Đ2 trực tiếp trao đổi, đặt vấn đề mua 02 hóa đơn GTGT khống với bị cáo Bùi Thị T và được T đồng ý. Theo đó trong tháng 5/2021, Bùi Thị T đã bán 02 *(Hai)* hóa đơn GTGT khống thể hiện Công ty TNHH Đ2 bán hàng hóa cho Công ty TNHH Đ2 với tổng giá trị tiền hàng chưa thuế là 68.613.000 đồng; tiền thuế GTGT là: 6.861.300 đồng; Tổng tiền thanh toán: 75.474.300 đồng. Số tiền mua, bán 02 hóa đơn GTGT khống nêu trên là 6.861.300 đồng, cụ thể:

STT	Số HĐ	Ngày/tháng	Tổng tiền	Tiền mua HĐ	Kết luận giám định
1	0000008	16/5/2021	45.576.300	4.143.300	Chữ ký là của Lê Thị Thành và Bùi Thị Trang. Hình con dấu là của CT Lộc Phát và CT Môn Lộc Phát
2	0000010	17/5/2021	29.898.000	2.718.000	
Tổng cộng			**75.474.300**	**6.861.300**	

Nhận thấy 02 hóa đơn GTGT là hóa đơn bất hợp pháp, Công ty TNHH Đ2 đã kê khai điều chỉnh giảm đối với 02 hóa đơn GTGT nêu trên.

6. ***Hành vi bán 01 (Một) Hóa đơn GTGT khống cho Công ty TNHH T13:***

Công ty TNHH T13, được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh H cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900987420, ngày 07/3/2016. Địa chỉ trụ sở tại: thôn Y, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên do ông Đặng Ngọc T7 là người đại diện pháp luật.

Quá trình điều tra đã làm rõ: ông Đặng Ngọc T7 - Giám đốc Công ty TNHH T13, xác định: Công ty TNHH T13 không có quan hệ kinh tế gì với Công ty TNHH T9. Tuy nhiên tháng 12/2019, Công ty TNHH T13 có mua vật liệu xây dựng của anh T8 *(Không rõ tên tuổi, địa chỉ)*; Khi thanh toán tiền, anh T8 đã xuất trả cho ông T7 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T9. Cụ thể: Hóa đơn GTGT số 0000061, ngày 31/12/2019; tiền hàng là: 153.636.600 đồng; tiền thuế GTGT là: 15.363.660 đồng; Tổng tiền thanh toán: 169.000.260 đồng. Đến nay Công ty TNHH T13 đã sử dụng hóa đơn GTGT do anh T8 đưa trả để kê

khai báo cáo thuế của Công ty TNHH T13. Tuy nhiên nhận thấy đây là hóa đơn bất hợp pháp, Công ty TNHH T13 đã kê khai thuế điều chỉnh giảm đối với hóa đơn GTGT nêu trên.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Bùi Thị T khai nhận: Giữa Công ty TNHH T9 với Công ty TNHH T13 không có bất kỳ quan hệ kinh tế gì vơi nhau. Tuy nhiên, khoảng cuối năm 2019, có một người đàn ông tên "T8" *(Không rõ tên tuổi, địa chỉ)* có liên hệ, đặt vấn đề với T về việc mua hóa đơn GTGT khống *(Không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo)* thể hiện xuất bán hàng hóa cho Công ty TNHH T13, bị cáo T đồng ý. Hai bên thống nhất giá bán hóa đơn GTGT khống này tương ứng với 10% giá trị tiền hàng chưa thuế GTGT ghi trên hóa đơn GTGT khống. Theo đó anh "T8" cung cấp cho T thông tin về mặt hàng, số lượng hàng, giá trị thanh toán để T ghi trên hóa đơn GTGT khống. Bị cáo T đã bán cho anh "T8" 01 *(một)* hóa đơn GTGT khống của Công ty TNHH T9 thể hiện xuất bán hàng hóa cho Công ty TNHH T13, cụ thể: Hóa đơn GTGT số 0000061, ngày 31/12/2019; tiền hàng là: 153.636.600 đồng; tiền thuế GTGT là: 15.363.660 đồng; Tổng tiền thanh toán: 169.000.260 đồng. T bán hóa đơn GTGT khống này cho anh "T8" với giá là: 153.636.600đ x 10% = 15.363.660 đồng.

Như vậy: Từ năm 2020 đến năm 2021, trong quá trình quản lý điều hành hoạt động của Công ty TNHH T9 và Công ty TNHH Đ2, bị cáo Bùi Thị T đã mua, bán tổng số 46 *(Bốn mươi sáu)* hóa đơn GTGT khống với tổng giá trị tiền hàng là 86.391.086.680 đồng, thuế GTGT là: 8.639.108.668 đồng, tổng thanh toán là: 95.030.195.348 đồng.

- Từ năm 2020 đến năm 2021, trong quá trình quản lý điều hành hoạt động của Công ty cổ phần Đ3 và Công ty cổ phần Đ3, bị cáo Nguyễn Thị Thanh H1 đã mua, sử dụng 24 *(Hai mươi tư)* hóa đơn GTGT khống với tổng giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn là: 7.736.715.080 đồng, tổng thuế GTGT là: 773.671.508 đồng, tổng tiền thanh toán là: 8.510.386.588 đồng.

- Từ năm 2020 đến năm 2021, trong quá trình làm kế toán cho Công ty cổ phần Đ3 và Công ty cổ phần Đ3, Nguyễn Đình T2 đã mua 16 (Mười sáu) hóa đơn GTGT khống của Công ty TNHH T9 với tổng giá trị tiền hàng chưa thuế: 6.643.295.080 đồng, tổng tiền thuế GTGT: 664.329.508 đồng, tổng tiền thanh toán: 7.307.624.588 đồng.

III. Kết luận giám định:

Ngày 25/02/2022 và ngày 25/8/2022, Phòng K - Công an tỉnh H ban hành các Kết luận giám định số: 62/KL-KTHS và số 161/KL-KTHS. Nội dung các bản kết luận giám định phù hợp với tài liệu cơ quan điều tra thu thập được.

Ngày 13/7/2022, Tổ giám định tư pháp - Cục thuế tỉnh H ban hành Kết luận giám định thuế số: 4233/KLGĐTP- CTHYE xác định: Công ty TNHH T9 và Công ty TNHH Đ2 không vi phạm hành vi trốn thuế, không gây thiệt hại cho

Ngân sách Nhà nước. Hành vi sử dụng hóa đơn, chứng từ của Công ty TNHH T13, Công ty TNHH T13, Công ty TNHH T14, Công ty TNHH Đ2 là hành vi sử dụng bất hợp pháp hóa đơn nhưng đã kê khai điều chỉnh bổ sung giảm thuế đầu vào của các hóa đơn trên theo quy định tại Điều 47 Luật quản lý thuế ngày 13/6/2019, các đơn vị này không vi phạm hành vi trốn thuế, không gây thiệt hại Ngân sách Nhà nước.

Ngày 02/12/2022, Tổ giám định tư pháp - Cục thuế tỉnh H ban hành Bản Kết luận giám định bổ sung thuế số: 6794/KLGĐTP-CTHYE xác định: Công ty TNHH T9 và Công ty TNHH Đ2 không vi phạm hành vi trốn thuế, không gây thiệt hại Ngân sách Nhà nước. Hành vi sử dụng hóa đơn, chứng từ của Công ty Cổ phần Đ3 và Công ty Cổ phần Đ3 là hành vi sử dụng bất hợp pháp hóa đơn nhưng đã khai điều chỉnh bổ sung giảm số thuế đầu vào của các hóa đơn trên, đã nộp số thuế phải nộp sau khi điều chỉnh theo quy định tại Điều 47 Luật quản lý thuế ngày 13/6/2019, các đơn vị này không vi phạm hành vi trốn thuế, không gây thiệt hại Ngân sách Nhà nước.

IV. Một số nội dung có liên quan

1. Hành vi có dấu hiệu tội phạm làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra phát hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức", xét cần thiết cho việc điều tra nên Cơ quan điều tra ra Quyết định tách hành vi và tài liệu có liên quan số 03/QĐ-CSKT ngày 04/10/2022 để điều tra riêng theo Quyết định khởi tố vụ án hình sự số: 60/QĐ-CSKT ngày 04/10/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh H đối với vụ án hình sự: "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức".

2. Hành vi của các cá nhân mua, bán trái phép hóa đơn nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự:

Đối với các cá nhân là chị Đặng Thanh M - Kế toán Công ty cổ phần Đ3, ông Nguyễn Đức C1 người quản lý, điều hành hoạt động của Công ty TNHH T14, chị Nguyễn Thị N - Phó Giám đốc Công ty TNHH T13, chị Lê Thị T6- Giám đốc và chị Nguyễn Thị C2 - Kế toán Công ty TNHH Đ2. Hành vi của các cá nhân này chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh H có văn bản kiến nghị cơ quan thuế xem xét xử lý theo thẩm quyền đối với các cá nhân vi phạm và doanh nghiệp có liên quan.

Đối với cá nhân anh "T8" *(Không rõ tên tuổi địa chỉ)* đã mua hóa đơn GTGT khống của bị can Bùi Thị T cho Công ty TNHH T13 và anh 'Mười" *(Không rõ tên tuổi địa chỉ)* đã bán hóa đơn GTGT khống cho bị cáo Bùi Thị T. Tuy nhiên hiện Cơ quan điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch, địa chỉ nơi ở, nơi làm việc, đang làm gì, ở đâu nên Cơ quan điều
tra chưa có cơ sở xác minh, xử lý.

3. Hành vi của người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH Đ2 và Công ty TNHH T9:

Đối với chị Bùi Thị G, trú tại thôn C, xã L, huyện T, tỉnh Hòa Bình và anh Vũ Văn T3, trú tại thôn C, xã L, huyện T, tỉnh Hòa Bình có quan hệ gia đình với bị cáo Bùi Thị T. Do đó, anh T3 và chị G đã đưa giấy CMND của mình cho bị cáo T mượn để làm thủ tục thành lập Công ty TNHH Đ2 và Công ty TNHH T9. Chị G và anh T3 không biết việc mua bán hóa đơn GTGT khống của T nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Bản cáo trạng số 28/QĐ - VKS - P3 ngày 18/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố Bùi Thị Trang về tội: Mua bán trái phép hóa đơn, quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; Truy tố Nguyễn Thị Thanh H1 và Nguyễn Đình T2 về tội: Mua bán trái phép hóa đơn, quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2023/HS-ST ngày 22/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên, đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Bùi Thị T phạm tội: "Mua bán trái phép hoá đơn".

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bùi Thị T 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thanh H1 và Nguyễn Đình T2; quyết định về vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/3/2023 bị cáo Bùi Thị T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Bùi Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, vai trò, hậu quả hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và căn cứ kháng cáo của bị cáo, kết luận: Bị cáo Bùi Thị T bị xử phạt về tội "Mua bán trái phép hoá đơn" theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, mặc dù bị cáo nộp tiền phạt, án phí, có xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, nhưng mức án Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định là phù

hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, 356 BLTTHS, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đơn kháng cáo của bị cáo gửi trong thời hạn luật định, hình thức nội dung đơn phù hợp, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ; phù hợp với lời khai nhận trong quá trình điều tra, bản kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định được: Trong khoảng thời gian từ năm 2020 đến năm 2021, Bùi Thị T cùng với các bị cáo khác trong vụ án đã mua, bán tổng số 46 *(Bốn mươi sáu)* hóa đơn GTGT khống, với tổng giá trị tiền hàng là 86.391.086.680 đồng, thuế GTGT là: 8.639.108.668 đồng, tổng thanh toán là: 95.030.195.348 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội Mua bán trái phép hóa đơn theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3]. Xét kháng cáo của bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình thêm các tình tiết giảm nhẹ mới, bị cáo nộp tiền phạt, tiền án phí thể hiện sự ăn năn hối cải muốn sửa chữa cải tạo khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, được xác nhận của chính quyền địa phương; chồng bị cáo được tặng thưởng huân chương chiến sĩ vẻ vang. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 BLTTHS giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt

[4]. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận, nên bị cáo không phải chịu án phí.

[5]. Về quyết định khác: Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Xử :

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Thị T. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2023/HS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên, như sau:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Tuyên bố bị cáo Bùi Thị T phạm tội "Mua bán trái phép hoá đơn".

Xử phạt bị cáo Bùi Thị T 01 (Một) năm 05 (Năm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày đi thi hành án.

2. Về án phí: Bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- CQ THA HS tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo (theo đ/c);
- Lưu HS; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Tiến